TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ba Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/ 2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Y, YONG-Z, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, lộ Văn Tâm N, khóm A, phường H, khu N, Thành phố Đ, Đài Loan.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2004 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2025, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Y, YONG-Z trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T thông qua mạng Internet FB tự quen biết và quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18 tháng 12 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 71. Sau khi kết hôn, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T, lúc đầu rất hạnh phúc, chăm sóc lẫn nhau, anh chị có một khoảng thời gian yêu thương lẫn nhau, sau đó chị Nguyễn Thị Cẩm T đi Đài Loan chung sống với anh mấy ngày tại Đài Loan, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T xảy ra mâu thuẫn quan niệm cuộc sống tại Đài Loan khác nhau đối với môi trường tại Đài Loan và cùng chung sống với người nhà của anh cảm thấy không hợp, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T thường xuyên cãi nhau, anh cảm thấy tình cảm của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh lạnh nhạt, chỉ muốn về nhà, sau đó anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T đã đồng ý ly hôn, mà anh không miễn cưỡng tình cảm của chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trở về Việt Nam. Từ khi chị Nguyễn Thị Cẩm T trở về Việt Nam đến nay anh chị đã cắt dứt liên lạc. Anh biết rằng mục đích không đạt được, không muốn lãng phí thời gian của nhau, nên anh quyết định làm thủ tục ly hôn, cho rằng cá tính của anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T không hợp, không yêu thương lẫn nhau, không chung sống xây dựng gia đình vợ chồng, không quan tâm lẫn nhau và mỗi người chỉ biết chăm sóc tốt cuộc sống của bản thân, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng chỉ là tổn thương lẫn nhau. Do đó, anh đồng ý kết thúc cuộc hôn nhân này, anh yêu cầu Tòa án giải quyết về mối quan hệ hôn nhân, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, không có con chung, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không có, anh không yêu cầu giải quyết. Đồng thời anh yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 01 năm 2026, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày như sau*:

Chị và anh Y, YONG-Z quen biết quan mang xã hội và tìm hiểu khoảng 4 đến 5 tháng thì chị và anh Y, YONG-Z quyết định tiến tới hôn nhân, nhờ mai mối đến gặp, chị và anh Y, YONG-Z đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 71 ngày 18 tháng 12 năm 2024. Đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 chị đi đến sống chung với chồng là anh Y, YONG-Z tại số B, lộ Văn Tâm N, khóm A, phường H, khu N, Thành phố Đ, Đài Loan, đến ngày 05 tháng 5 năm 2025 chị thấy không hòa hợp với anh Y, YONG-Z, chị bỏ về Việt Nam sinh sống cho đến

nay. Chị và anh Y, YONG-Z không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh Y, YONG-Z không hòa hợp, không hiểu nhau, sống không hạnh phúc, từ đó chị và anh Y, YONG-Z sống ly thân từ ngày ngày 05 tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Y, YONG-Z không còn tình cảm vợ chồng, chị đồng ý ly hôn với anh Y, YONG-Z. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, không có, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử, đồng thời chị yêu cầu xét xử vắng mặt chị, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Hộ chiếu loại: P, mã quốc gia: TWN, số hiệu: 365209222, họ tên: Y, YONG-Z, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1999, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), giới tính: Nam (Bản sao) và Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Cẩm T (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị Cẩm T và Y, YONG-Z số: 71 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: tỉnh An Giang (Bản chính); Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 07 năm 2025 của anh Y, YONG-Z (Bản chính).

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Y, YONG-Z và bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Y, YONG-Z yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Y, YONG-Z được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, anh Y, YONG-Z và chị Nguyễn Thị Cẩm T tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Y, YONG-Z yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T. Bị đơn cư trú tại: ấp P, xã Đ, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi khởi kiện nguyên đơn anh Y, YONG-Z gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, sau khi tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh Y, YONG-Z và chị Nguyễn Thị Cẩm T theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Y, YONG-Z và chị Nguyễn Thị Cẩm T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 71 ngày 18 tháng 12 năm 2024, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9, Điều 121 và Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Y, YONG-Z yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T, quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T xảy ra mâu thuẫn quan niệm cuộc sống tại Đài Loan khác nhau đối với môi trường tại Đài Loan và cùng chung sống với người nhà của anh cảm thấy không hợp, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm T thường xuyên cãi nhau, anh cảm thấy tình cảm của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh lạnh nhạt, chỉ muốn về nhà, sau đó anh không

miễn cưỡng tình cảm của chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trở về Việt Nam; từ khi chị Nguyễn Thị Cẩm T trở về Việt Nam đến nay đã cắt dứt liên lạc; anh biết rằng mục đích hôn nhân anh chị không đạt được, không yêu thương lẫn nhau, không muốn lãng phí thời gian của nhau, không chung sống xây dựng gia đình vợ chồng, không quan tâm lẫn nhau và mỗi người chỉ biết chăm sóc tốt cuộc sống của bản thân, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng chỉ là tổn thương lẫn nhau anh quyết định làm thủ tục ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T, thì chị Nguyễn Thị Cẩm T cũng xác định, chị và anh Y, YONG-Z sống chung không hòa hợp, không hiểu nhau, sống không hạnh phúc, từ đó chị và anh Y, YONG-Z sống ly thân với nhau và đồng ý ly hôn với anh Y, YONG-Z nhưng anh chị không tham dự phiên họp, phiên tòa nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa các anh chị được. Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Y, YONG-Z và chị Nguyễn Thị Cẩm T, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Y, YONG-Z, cho anh Y, YONG-Z được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, anh Y, YONG-Z chị Nguyễn Thị Cẩm T tự xác định, anh chị không có con chung, không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266, Điều 273, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá

sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 121, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Y, YONG-Z được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ: Anh Y, YONG-Z và chị Nguyễn Thị Cẩm T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Buộc anh Y, YONG-Z phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011890 (Ký hiệu: BKTU/25E) ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Anh Y, YONG-Z đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- UBND xã ĐT, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo